

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 5 năm 2024

“V/v Không công nhận quan hệ vợ
chồng, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Ngô Văn Thế.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị P T N, sinh năm: ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

Bị đơn: Anh V V S, sinh năm: ...

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thỏ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị P T N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1998, nhưng từ đó đến nay chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã, do anh chị không hiểu quy định của pháp luật. Sau khi chung sống với nhau cả hai chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân là do anh S nghiện ma túy, tài sản trong gia đình anh S cũng bán hết, cả hai không còn chung sống với nhau 07 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Đến nay chị N không còn tình cảm với anh S nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh S.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung, tên là V V D, sinh ngày 24/10/2000; V T L, sinh ngày 29/7/2001 và V V S, sinh ngày 10/02/2008. Hiện tại cháu D và cháu L đã

trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không bị khuyết điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu S hiện tại dưới 18 tuổi, nên chị có nguyện vọng được nuôi cháu S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh S tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh V V S khai: Anh S và chị N về chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng từ đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Thời gian anh chị ở cùng nhau có cãi nhau, nhưng không nhiều, nếu chị N muốn ly hôn thì anh cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật do anh chị không đăng ký kết hôn. Về con chung: Anh cũng nhất trí với ý kiến của chị N đối với cháu D và cháu L, còn cháu S anh nhất trí cho chị N được nuôi cháu S cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại đối tượng UBND xã B, xác minh đối với bố nuôi anh S, xác minh đối với Bí thư bản M như sau: Anh S và chị N được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1998, nhưng từ đó đến nay anh chị không đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Anh chị đã ly thân được khoảng 08 năm nay, nguyên nhân là do anh S nghiện ma túy, thỉnh thoảng anh chị có đánh chửi nhau.

Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến của cháu V V S. Nguyện vọng của cháu S sau khi bố mẹ ly hôn là muốn được ở cùng mẹ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh S. Về con chung: Giao cháu S cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; còn đối với cháu D và cháu L hiện đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị P T N và bị đơn anh V V S có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án đã thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, tuy nhiên chị N và anh S không đăng ký kết hôn, nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp là “Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung” là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S về chung sống và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1998, tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình, hai anh chị đã ly thân nhau khoảng 7 năm nay. Nay chị N gửi đơn ly hôn đến Tòa án để giải quyết ly hôn giữa chị và anh S, anh S cũng nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị không được pháp luật thừa nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh S.

- Về con chung: Chị N và anh S có 03 con chung là V V D, sinh ngày ..; V T L, sinh ngày 29/7/2001 và V V S, sinh ngày 10/02/2008. Hiện tại cháu D và cháu L đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, không bị khuyết điểm về thể chất và tinh thần nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu S hiện tại dưới 18 tuổi, anh chị đều thống nhất giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nguyên vọng của cháu S cũng muốn được ở cùng mẹ. Vì vậy, xét về điều kiện, hoàn cảnh, để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu S cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị P T N và anh V V S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu V V S, sinh ngày 10/02/2008 cho chị P T N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P T N không yêu cầu anh V V S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Chị P T N và anh V V S tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị P T N được miễn án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Dương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá